DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 529.2022/QĐ - VPCNCL ngày 21 tháng 06 năm 2022 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm LiOA Electric**

Laboratory: ***LiOA Electric Laboratory***

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH thiết bị điện LiOA**

Organization: ***LiOA Electrical Equipment Co., Ltd***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: ***Electrical - Electronic***

Người quản lý/
Laboratory manager: **Hỏa Thanh Sơn**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	***Đặng Đình Tuấn***	Các phép thử được công nhận/*Accredited Tests*
2.	***Hỏa Thanh Sơn***	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 391**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **01/04/2025**

Địa chỉ/ *Address*: **Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên**
Dinh Du ward, Van Lam district, Hung Yen province

Địa điểm/*Location:* **Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên**
Dinh Du ward, Van Lam district, Hung Yen province

Điện thoại/ *Tel*: **0221 3985321** Fax: **02213985828**

E-mail: **hoa_thanh.son@lioa.com.vn** Website: **www.lioa.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Cáp nguồn có điện áp danh định đến 30 kV** ***Power cable for rated voltages to 30 kV***	Đo chiều dày của cách điện và lớp vỏ bọc *Measurement of thickness of insulation and sheath*	Đến/*to* 150 mm	TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1:2001)
2.		Thử cơ tính của cách điện, vỏ bọc trước và sau lão hóa *Mechanical characteristics test of insulation, sheath before and after ageing*	Đến/*to* 200 kg	TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1:2001)
3.		Thử nén cách điện và vỏ bọc PVC ở nhiệt độ cao *Pressure test of insulation and sheath PVC at high temperature*	Đến/*to* 10 mm	TCVN 6614-3-1:2008 (IEC 60811-3-1:2005)
4.		Thử sốc nhiệt cách điện và vỏ bọc PVC *Heat shock test of insulation and sheath PVC (Cracking)*	Đến/*to* 300 °C	TCVN 6614-3-1:2008 (IEC 60811-3-1:2005)
5.		Thử tổn hao khối lượng cách điện và vỏ bọc PVC *Loss of mass test of insulation and sheath PVC*	Đến/*to* 200 g	TCVN 6614-3-2:2008 (IEC 60811-3-2:2005)
6.		Thử hấp thụ nước của cách điện *Water absorption test of insulation*	Đến/*to* 200 g	TCVN 6614-1-3:2008 (IEC 60811-1-3:2001)
7.		Thử bám dính lớp màn chắn của cách điện *Strippability test of insulation screen*	Đến/*to* 200 kg	TCVN 5935-2 :2013 (IEC 60502-2:2005)
8.		Đo điện trở cách điện *Measurement of insulation resistance*	500 kΩ ~ 1 TΩ (500 ~ 5000) V	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009) TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005) TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227-2:2003)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
9.	**Cáp nguồn có điện áp danh định đến 30 kV** ***Power cable for rated voltages to 30 kV***	Thử độ bền điện áp *Voltages test*	Đến/*to* 100 kV	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009) TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005)
10.		Thử lão hóa cho mẫu cáp hoàn chỉnh. *Ageing test on pieces of complete cable*	Đến/*to* 300 °C	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009) TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005)
11.		Thử bền nhiệt XLPE *Hot set test for XLPE*	Đến/*to* 300 °C	TCVN 6614-2-1:2008 (IEC 60811-2-1:2001)
12.		Thử co ngót XLPE *Shrinkage test for XLPE*	Đến/*to* 300 °C	TCVN 6614-1-3:2008 (IEC 60811-1-3:2001)
13.		Đo tag delta và điện dung *Measurement of Tag δ of capacitance*	C: 0,1 ~ 1099,99 *δ :* Đến/*to* 9,99	TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005)
14.		Thử phóng điện cục bộ *Partial discharge test*	Đến/*to* 10 000 pC	TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2005)
15.	**Ruột dẫn dùng cho cáp điện** ***Conductors for cable***	Kiểm tra kết cấu *Construction check*	Đến/*to* 150 mm	TCVN 6612:2007 (IEC 60228:2004)
16.		Đo điện trở 1 chiều *Measurement of DC resistance*	0,1 mΩ ~ 111,1 Ω	TCVN 6612:2007 (IEC 60228:2004)
17.	**Sợi dây đồng tròn kỹ thuật điện** ***Electrotechnical cound copper wire***	Xác định suất kéo đứt và độ dãn dài tương đối của sợi đồng *Determination of tensile strength and elongation of the copper wire*	Đến/*to* 50 kN	TCVN 1824:1993

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
18.	**Cáp nguồn có điện áp danh định đến 30 kV** ***Power cable for rated voltages to 30 kV***	Thử nghiệm đo mật độ sinh khói khi cháy *Smoke density test*	(0 ~ 100) %	TCVN 9620-1:2013 (IEC 61034-1:2005) TCVN 9620-2:2013 (IEC 61034-2:2005)
19.		Thử khả năng chịu lửa kết hợp với nước *Flame resistant test combined with water*	Đến/*to* 1000 V	BS 6387:2013 TCVN 9618-21:2013 (IEC 60331-21:1999)
20.		Thử khả năng chịu lửa *Fire shock test*	Đến/*to* 1000 V	BS 6387:2013 TCVN 9618-21:2013 (IEC 60331-21:1999)
21.		Thử khả năng chịu lửa kết hợp va đập cơ khí *Fire and mechanical shock test*	Đến/*to* 1000 V	BS 6387:2013 HD 0932:2019 (Tham khảo/ *Ref.* IEC 60331-31:2002)
22.		Thử chỉ số nhiệt độ và giới hạn Oxy *Limited temperature and Oxygen index test*	-	ISO 4589-2:2017 ISO 4589-3:2017 ASTM D2863-19
23.		Xác định lượng khí Halogen sinh ra khi cháy *Determination of the amount of Halogen acid gas evolved during the combustion*	-	TCVN 6919-1:2013 (IEC 60754-1:2011)
24.		Xác định độ Acid của khí sinh ra khi đốt *Determination of the degree of acidity gases evolved during the combustion*	-	TCVN 6919-2:2013 (IEC 60754-2:2011)
25.		Thử nghiệm độ cháy lan theo chiều thẳng đứng của dây đơn hoặc cáp đơn *Fire spread vetically test for single wire or cable upplication*	-	TCVN 6613-1:2010 (IEC 60332-1:2004)
26.		Thử nghiệm độ cháy lan theo chiều thẳng đứng của bó dây hoặc cáp *Fire spread vertically test bundle of wires or cables*	-	TCVN 6613-3:2010 (IEC 60332-3:2009)

Ghi chú/*Note*:
- BS: *British Standard*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials*
- ISO: *International Organization for Standardization*
- HD…: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*